

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 11-10-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Hồng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 579/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 74/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2018:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Thun B, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2018; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Chị và Anh Thun B chung sống với nhau từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Anh Thun B hay đi uống rượu về gây gỗ đánh đập vợ con, không lo lắng cho gia đình. Chị và Anh Thun B đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Thun B.

Về con chung: có một con chung tên Thun Thị H, sinh ngày 09/9/2003. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Anh Thun B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, Bị đơn là Anh Thun B trình bày:

Anh và Chị Nguyễn Thị Tuyết N chung sống vào năm 2002 nhưng đến năm 2008 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nguyễn Thị Tuyết N đam mê cờ bạc và ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Nay anh vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có một con chung tên Thun Thị H, sinh ngày 09/9/2003. Nếu ly hôn, con chung theo ai người đó nuôi, người kia không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung,

thẩm quyền của Bộ luật tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với Anh Thun B. Chị Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Thun Thị H, sinh ngày 09/9/2003. Về án phí: chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Thun B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Thun B có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại ấp B, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và Anh Thun B chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn với Anh Thun B. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và Anh Thun B chung sống và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đây

là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị N yêu cầu ly hôn, nguyên nhân là do Anh Thun B thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho vợ con; vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, đã hàn gắn nhưng không được. Chị và Anh Thun B đã có thời gian ly thân.

Anh Thun B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do Chị Nguyễn Thị Tuyết N đam mê cờ bạc và có quen biết với người đàn ông khác phù hợp với lời trình bày của Chị Nguyễn Thị Tuyết N. Tuy nhiên, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Trong quá trình tham gia tố tụng, Anh Thun B không đưa ra giải pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Tuyết N và Anh Thun B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Chị Nguyễn Thị Tuyết N, cho Chị Nguyễn Thị Tuyết N ly hôn với Anh Thun B là có cơ sở.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu nuôi con chung là Thun Thị H, sinh ngày 09/9/2003. Anh Thun B trình bày nếu ly hôn, con chung ở với ai thì người đó nuôi, người còn lại không cấp dưỡng. Qua biên bản lấy lời khai của Thun Thị H trình bày muốn sống chung với mẹ nên giao con chung cho chị Nguyễn Thị Tuyết N nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và Anh Thun B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Vì các lý do nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết N và Anh Thun B được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Thun Thị H, sinh ngày 09/9/2003. Anh Thun B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Nguyễn Thị Tuyết N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và Anh Thun B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp theo biên lai thu số 0018782 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thun B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu : Tập án;
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Tấn Thắng